

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/DS-ST
Ngày: 04/3/2025
“Về việc tranh chấp dân sự về
hợp đồng góp hụi”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phượng

2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 04 tháng 03 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 629/2024/TLST-DS ngày 28/10/2024 về việc: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hụi”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-DS ngày 15/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST-DS ngày 13/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Kim T**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn:

1/Bà **Lê Thị Á**, sinh năm 1974.

2/ Chị **Trần Thanh N**.

Cùng địa chỉ: Tổ B, ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà T có mặt, bà Á, chị N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và ý kiến trình bày tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim T trình bày:

Vào ngày 09/12/2020 âm lịch, bà T có khai dây hụi tháng 2.000.000 đồng gồm có 23 phần, bà Á tham gia 01 phần rồi bà Á hốt tháng đầu tiên vào ngày 09/12/2020 âm lịch. Bà Á hốt hụi được số tiền là 34.540.000 đồng. Hụi chết 22 lần là 44.000.000 đồng. Đến ngày 09/5/2020 âm lịch, bà Á có trả được cho bà T số tiền 1.000.000 đồng, còn nợ lại 43.000.000 đồng. Bà T có lên nhà bà Á gặp vợ chồng bà Á thì bà Á có hứa gửi cho bà T mỗi ngày 100.000 đồng nhưng bà Á không thực hiện đúng lời hứa mà chỉ gửi cho bà T 50.000 đồng/ngày.

Bà Á gửi tiền cho bà T từ ngày 16/5/2022 đến ngày 15/01/2023 được tổng số tiền là 7.250.000 đồng. Từ ngày 15/01/2023 đến nay vẫn không trả cho bà T số tiền còn nợ lại là 34.350.000 đồng.

Bà T có lên nhà tìm bà Á, nhưng không gặp được bà Á mà gặp được con dâu bà Á tên là Trần Thanh N thì N có đứng ra bảo lãnh số tiền này thay cho bà Á nhưng chị N không thực hiện đúng lời hứa.

Bà Lê Thị Ánh H hụi bà T nói là cho hai đứa con đi học, một đứa con gái thì đi N, còn con trai tên là Trần Việt L thì học ra trường làm công an cơ động. Bà Á có hứa hai đứa con đi làm được là sẽ trả hết tiền cho bà T nhưng đến nay bà Á cũng không thực hiện.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị Á và chị Trần Thanh N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền hụi là 34.350.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 15/01/2023 đến ngày 15/6/2024 (18 tháng) x lãi suất 1,66%/tháng với số tiền là 10.263.000 đồng. Tổng cộng là 44.613.000 đồng. Yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 16/6/2024 đến khi bị đơn trả hết nợ cho bà T đối với số tiền gốc là 34.350.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà T có thay đổi yêu cầu khởi kiện. Xác định chỉ yêu cầu bà Lê Thị Á trả cho bà số tiền 34.350.000 đồng. Rút lại một phần khởi kiện về yêu cầu tính lãi và yêu cầu chị Trần Thanh N liên đới.

Đối với bị đơn là bà Lê Thị Á và chị Trần Thanh N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử.

Kèm theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là T đã giao nộp cho Tòa án biên nhận thể hiện việc bà Á còn nợ lại số tiền như bà T trình bày. Tòa án đã thông báo cho bà Á, chị N biết nhưng vẫn không có ý kiến gì nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

* Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

- Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

- 01 Căn cước công dân (photo);

- 01 Biên bản hòa giải không thành ngày 07/4/2023 (photo);

- 01 Biên nhận (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị Ánh T1 số tiền nợ hui là 34.350.000 đồng. Căn cứ khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hui”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Lê Thị Á có nơi cư trú tại huyện C. Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Lê Thị Á và chị Trần Thanh N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim T yêu cầu bà Lê Thị Á phải trả số tiền nợ hui là 34.350.000 đồng (Ba mươi bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng góp hui giữa bà T và bà Á được xác định trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hay bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 117, Điều 471 của Bộ luật Dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

[2.1] Giữa bà T và bà Á có thỏa thuận góp hui, được bà T chứng minh bằng biên nhận sau khi bà Á hốt hui, có thể việc trả dần, hiện nay còn nợ lại 34.350.000 đồng. Như vậy, việc bà Á có tham gia chơi hui của bà T theo như bà T trình bày là có thật. Do đó, giao dịch dân sự về hui giữa bà T và bà Á theo các dây hui mà bà T đã trình bày theo đơn khởi kiện là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2.2] Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho bà Á. Tuy nhiên, bà Á vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu,

văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng góp hụi giữa các bên đương sự là có thật nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền hụi còn thiếu là 34.350.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Á phải trả số tiền lãi là 8.017.500 đồng và rút yêu cầu chị Trần Thanh N về việc yêu cầu liên đới với bà Á. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim T.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Á phải chịu án phí là: 34.350.000 đồng x 5% = 1.717.500 đồng.

Bà Huỳnh Thị Kim T được nhận lại 1.115.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009291 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 117, Điều 357, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự;
- Điều 17; Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biên, phường;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim T.

- Buộc bà Lê Thị Á phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Kim T số tiền nợ hụi còn thiếu là 34.350.000 đồng (Ba mươi bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị Á phải chịu 1.717.500 đồng (Một triệu bảy trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị Kim T được nhận lại 1.115.000 đồng (Một triệu một trăm mười lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009291 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh